TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN BÌNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 762/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06/8/2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Phước Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phùng Khánh Đào

2. Bà Huỳnh Thị Quỳnh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Chí Thành- Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 06 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2019/QĐST–HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Nguyệt H; địa chỉ: Đường T1, phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Anh N; địa chỉ: Đường T1, phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 15/01/2019, nguyên đơn bà Trương Thị Nguyệt H trình bày:

Tôi và ông Phạm Anh N tự nguyện tìm hiểu, chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 89, Quyển số 01 ngày 08/11/1990.

Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông N không quan tâm đến gia đình, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp. Tôi đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2009. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn khả năng hàn gắn, yêu cầu được ly hôn ông N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Thanh T2, sinh ngày 13/4/1994, đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Phạm Anh N có đơn xin vắng mặt, đề ngày 03/4/2019, trình bày: Do ông N bận công việc không thể có mặt khi Tòa án triệu tập nên đã làm đơn xin được vắng mặt trong các buổi làm việc của Tòa án, kể cả phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn bà Trương Thị Nguyệt H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn với ông Phạm Anh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Sổ hộ khẩu số 31100031586 do Công an quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, ông Phạm Anh N đã đăng ký nhân khẩu thường trú tại địa chỉ Đường T1, phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 11/9/2012. Bà Trương Thị Nguyệt H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn ông Phạm Anh N có nơi cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà H thuộc Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 89, Quyển số 01 ngày 08/11/1990 đã đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Thị Nguyệt H và ông Phạm Anh N là hợp pháp.

Xét thấy, vợ chồng phải có trách nhiệm quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau nhằm tạo dựng hạnh phúc gia đình nhưng trong cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông N phát sinh mâu thuẫn mà theo bà H trình bày là do ông N thiếu trách nhiệm với gia đình, không quan tâm đến vợ con, từ đó dẫn đến quan hệ vợ chồng không hạnh phúc. Bà H xác định không còn tình cảm với ông N, không còn khả năng hàn gắn quan hệ vợ chồng, yêu cầu xin được ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay, ông N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt trình bày: *"tôi xác định không có ý kiến tranh chấp cũng không có yêu cầu gì. Tòa án cứ*

giải quyết theo quy định pháp luật". Qua đó cũng đã chứng minh rằng ông N đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ, nên chấm dứt quan hệ hôn nhân của các đương sự theo yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với pháp luật và thực tế để các bên ổn định đời sống.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Thanh T2, sinh ngày 13/4/1994, đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Theo khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Trương Thị Nguyệt H phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Nguyệt H về việc "Ly hôn".

1.1/. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Nguyệt H được ly hôn với ông Phạm Anh N.

1.2/. Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Thanh T2, sinh ngày 13/4/1994, đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3/. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trương Thị Nguyệt H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*, được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai số 0037858 ngày 24/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Phước Lý

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND QTB;
- Chi cục THADS QTB;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.